

Bản án số: 10/2019/DS-ST
Ngày: 30-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh,

Ông Hoàng Đắc Hân.

- Thư ký pH tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia pH tòa: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2019/TLST-KDTM ngày 12 tháng 6 năm 2019 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn pH tòa số 21/2019/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Đình T sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng (Văn bản uỷ quyền số 3777/2019/UQ-VPB ngày 16/5/2019);

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức L sinh năm 1973 và chị Nguyễn Thị H sinh năm 1980; cùng địa chỉ: Thôn 2, xã M, huyện T, TP Hải Phòng;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn V sinh năm 1944;

Bà Ngô Thị S sinh năm 1949;

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng

Ông T và anh L có mặt; chị H, ông V và bà S đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây viết tắt là Ngân hàng) đều trình bày:

Giữa Ngân hàng với anh Nguyễn Đức L và chị Nguyễn Thị H có quan hệ bởi 04 hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng số LN1708220162570 ngày 18 tháng 10 năm 2017 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng số 70), số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho anh L, chị H vay là 950.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số LN1708250169676 ngày 18 tháng 10 năm 2017 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng số 76), số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho anh L, chị H vay là 535.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số LN1709120231226 ngày 18 tháng 10 năm 2017 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng số 26), số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho anh L, chị H vay là 620.000.000 đồng; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử giải ngân theo số LD1729600488 ngày 23 tháng 10 năm 2017 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng số 88), số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho anh L, chị H vay là 100.000.000 đồng. Mục đích vay vốn tại các Hợp đồng số 70, 76, 26 để bổ sung vốn kinh doanh; Hợp đồng số 88 vay để mua sắm vật dụng gia đình, lãi suất của các hợp đồng theo thỏa thuận. Tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 428, tờ bản đồ số 04 thôn Phương Mỹ, xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10 tháng 9 năm 2012 cho ông Nguyễn Đức L vợ là Nguyễn Thị H (Sau đây viết tắt là Thửa đất số 428), số giấy chứng nhận BL 184430 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 7673 ngày 17 tháng 10 năm 2017 tại Phòng công chứng Gia Phúc thành phố Hải Phòng;

- Xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER, loại xe Tải pickup cabin kép, số khung FF50HW632107, số máy P5AT2310629, biển số 15C-230.79, đăng ký xe số 039167 do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt - Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 25 tháng 10 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị H theo Hợp đồng thế chấp số công chứng LN1709120231226 ngày 18 tháng 10 năm 2017;

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, ngày 18/5/2018 ông L, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán để nợ quá hạn, mặc dù đã nhiều lần Ngân hàng yêu cầu trả nhưng bên vay đều không thực hiện được.

Ngân hàng khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu bị đơn trả nợ Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 30 tháng 8 năm 2019 là 2.663.412.281 đồng; trong đó nợ của Hợp đồng số 70 là 1.184.527.330 đồng (gốc 949.999.961 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn 219.472.292 đồng, nợ lãi phạt chậm trả 15.055.077 đồng), nợ của Hợp đồng số 76 là 666.765.415 đồng (gốc 535.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn 123.122.795 đồng, nợ lãi phạt chậm trả 8.642.620 đồng), nợ của Hợp đồng số 26 là 682.018.554 đồng (gốc 542.504.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn

129.764.855 đồng, nợ lãi phạt chậm trả 9.749.699 đồng), nợ của Hợp đồng số 88 là 130.100.982 đồng (gốc 92.348.853 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn 35.186.468 đồng, nợ lãi phạt chậm trả 2.565.661 đồng); Yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 428 và xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER biển số 15C-230.79 trong trường hợp bên vay không trả được nợ.

Trong Văn bản ngày 05 tháng 7 năm 2019 cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Đức L đồng ý với những yêu cầu của Ngân hàng là đúng. Lý do của việc không trả được nợ vay đúng hạn là do kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Anh L đề nghị Ngân hàng cho trả nợ dần vào nợ gốc 2.000.000 đồng/tháng, xin được miễn tiền lãi, chưa phát mại tài sản thế chấp.

Trong Văn bản ngày 02 tháng 7 năm 2019, ông Nguyễn Văn V và bà Ngô Thị S trình bày: Thời gian gần đây mới biết việc anh L, chị H vay tiền của Ngân hàng nhưng nay chưa trả. Đề nghị Ngân hàng cho anh L, chị H trả nợ dần, xin miễn một phần tiền lãi, chưa phát mại tài sản thế chấp.

Ông Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 26, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); các điều 117, 298, 299, 463, 466, 500 và 502 của BLDS năm 2015; Luật đất đai năm 2013; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ Ngân hàng tại các Hợp đồng số 70, 76, 26 và 88 với tổng số tiền tính đến ngày 30 tháng 8 năm 2019 là 2.663.412.281 đồng; trong đó nợ gốc là 2.119.852.814 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 507.546.410 đồng, nợ lãi phạt chậm trả là 36.013.057 đồng; bị đơn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số nợ trên. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 428 và xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER biển số 15C-230.79 để nguyên đơn thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Vụ án này được Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp kinh doanh thương mại khi thụ lý. Tuy phiên trong các hợp đồng tín dụng, có hợp đồng mục đích vay để kinh doanh, có hợp đồng mục đích vay để tiêu dùng nên cần xác định lại quan hệ tranh chấp là tranh chấp dân sự theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

[2] Về tố tụng: Chị H, ông V và bà S đã được Tòa án triệu tập đến pH tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H, ông V và bà S.

[3] Về yêu cầu đòi nợ gốc, các khoản tiền lãi của nguyên đơn: Sự thừa nhận của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn về giao kết Hợp đồng tín dụng, về bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán và về toàn bộ số nợ gốc, lãi còn lại thuộc trường hợp không phải chứng minh; căn cứ vào Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại các Hợp đồng số 70, 76, 26 và 88 tổng số tiền tính đến ngày 30 tháng 8 năm 2019 là 2.663.412.281 đồng là có căn cứ chấp nhận; phù hợp với các điều 117, 463 và 466 của BLDS năm 2015, Điều 25 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng: Sự thừa nhận của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và anh L về thế chấp tài sản thuộc trường hợp không phải chứng minh; căn cứ vào Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật. Đối với Hợp đồng số 88 là hợp đồng cho vay không bảo đảm, tuy nH tại mục 1 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp xe ô tô ngày 18/10/2017 các bên thỏa thuận: Tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ (nợ gốc, lãi, phí, bồi thường thiệt hại) của bên thế chấp phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng, văn kiện tín dụng, khế ước nhận nợ trong khoảng thời gian kể từ ngày 18/10/2017 đến ngày 18/10/2020. Tại mục 1 Điều 2 của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất các bên thỏa thuận: Tài sản thế chấp bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai tại các Văn kiện ký trước, trong và sau ngày ký hợp đồng này. Do thỏa thuận không trái quy định của pháp luật nên yêu cầu của Ngân hàng về phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 428 và xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER biển số 15C-230.79 trong trường hợp bên vay không trả được nợ là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các điều 323, 343, 355, 715 và 721 của BLDS năm 2005; các điều 298, 299, 500 và 502 của BLDS năm 2015; Luật đất đai năm 2013; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 85.270.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 91, 92, 97, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 298, 299, 463, 466, 500 và 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật đất đai năm 2013; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Đức L và chị Nguyễn Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tính đến ngày 30/8/2019 với tổng số tiền là 2.663.412.281 đồng (Hai tỷ, sáu trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm mười hai nghìn, hai trăm tám mươi một đồng); trong đó nợ của Hợp đồng tín dụng số LN1708220162570 ngày 18/10/2017 là 1.184.527.330 đồng, nợ của Hợp đồng tín dụng số LN1708250169676 ngày 18/10/2017 là 666.765.415 đồng, nợ của Hợp đồng tín dụng số LN1709120231226 ngày 18/10/2017 là 682.018.554 đồng, nợ của Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBD, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử giải ngân theo số LD1729600488 ngày 23/10/2017 là 130.100.982 đồng.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp anh Nguyễn Đức L và chị Nguyễn Thị H không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu phát mại tài sản đã thế chấp sau đây để thu hồi nợ:

2.1. Quyền sử dụng đất diện tích 757m² và các tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 428, tờ bản đồ số 04 Thôn Phương Mỹ, xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đứng tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Đức L vợ là Nguyễn Thị H; được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 10/9/2012, số giấy BL 184430, số vào sổ cấp giấy CH 00411;

2.2. Xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER, loại xe Tải pickup cabin kép, số khung FF50HW632107, số máy P5AT2310629, biển số 15C-230.79, đăng ký xe số 039167 do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt - Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 25 tháng 10 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị H theo Hợp đồng thế chấp số công chứng LN1709120231226 ngày 18 tháng 10 năm 2017.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức L và chị Nguyễn Thị H phải nộp 85.270.000 đồng. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 41.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, biên lai số 0002617 ngày 04 tháng 6 năm 2019.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Người đại diện cho đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS h. Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TÒA**

Đỗ Văn Dũng